Phụ lục 1.1

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KỲ QUY HOẠCH 2021-2030 HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
1	**Đất quốc phòng**								
-	Vùng lõi căn cứ chiến đấu của tỉnh	CQP	15,00		15,00	CLN	Hưng Hòa	Thửa 23, 24, 47, Tờ bản đồ 14	Báo cáo 319/BC-UBND ngày 27/11/2020 của UBND huyện Bàu Bàng về nhu cầu sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn huyện Bàu Bàng
-	Căn cứ chiến đấu huyện	CQP	3,00		3,00	CLN	Tân Hưng	Một phần thửa 15, Tờ bản đồ 25	Báo cáo 319/BC-UBND ngày 27/11/2020 của UBND huyện Bàu Bàng về nhu cầu sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn huyện Bàu Bàng Công văn số 788/NCH-TM ngày 3/9/2021 của BCH quân sự huyện Bàu Bàng về việc điều chỉnh quy hoạch căn cứ chiến đấu huyện
-	Đất quốc phòng (Quân đoàn 4)	CQP	9,81		9,81	CLN	Lai Uyên, Trừ Văn Thố	Lai Uyên: Thửa 147, Tờ bản đồ 1; Thửa 93, tờ 17; Thửa 99, tờ bản đồ 23; Thửa 110, tờ bản đồ 33 Trừ Văn Thố: Thửa 191, 64, 4580, Tờ bản đồ 24	Báo cáo 319/BC-UBND ngày 27/11/2020 của UBND huyện Bàu Bàng về nhu cầu sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn huyện Bàu Bàng
-	Công trình quốc phòng (Tiểu đoàn phòng ngự của eBB6)	CQP	1,20		1,20	CLN	Lai Hưng	Thửa số 1, tờ bản đồ 43	Báo cáo 319/BC-UBND ngày 27/11/2020 của UBND huyện Bàu Bàng về nhu cầu sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn huyện Bàu Bàng
-	Vùng lõi căn cứ chiến đấu của huyện	CQP	2,19		2,19	CLN	Long Nguyên	Thửa 268, tờ bản đồ 78	Báo cáo 319/BC-UBND ngày 27/11/2020 của UBND huyện Bàu Bàng về nhu cầu sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn huyện Bàu Bàng
-	Thao trường huấn luyện Ban chỉ huy quân sự huyện Bàu Bàng	CQP	9,67	9,67			Lai Hưng	Thửa số 3, tờ bản đồ 40	Báo cáo 319/BC-UBND ngày 27/11/2020 của UBND huyện Bàu Bàng về nhu cầu sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn huyện Bàu Bàng
2	**Đất an ninh**								
-	Trung tâm huấn luyện PCCC&CNCH Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương (cơ sở 2)	CAN	1,50		1,50	CLN	Lai Hưng	Thửa 78, tờ số 03	
-	Đội Cảnh sát PC&CC Khu vực huyện Bàu Bàng	CAN	0,50		0,50	CLN	Trừ Văn Thố		
-	Đồn công an huyện Bàu Bàng	CAN	0,50		0,50	CLN	Lai Uyên	KCN và đô thị Bàu Bàng (Khu dân cư 5F)	Thuộc KCN và đô thị Bàu Bàng
-	Trụ sở công an TT. Lai Uyên	CAN	0,32		0,32	DGD	Lai Uyên	Một phần thửa 5, tờ bản đồ 26	Công văn số 359/UBND-KT ngày 11/12/2020 của UBND TT Lai Uyên về việc bổ sung quy hoạch đất trên địa bàn TT Lai Uyên

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
3	**Đất khu công nghiệp**								
-	Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng	SKK	892,20		892,20	CLN	Lai Uyên, Cây Trường II		Công văn số 1767/TTG-KTN ngày 06/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh CSHT KCN Bàu Bàng mở rộng CV 173/TTg-KTN ngày 28/01/2016 v/v điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương đến năm 2020
-	Khu công nghiệp Cây Trường	SKK	700,00		700,00	CLN	Cây Trường II, Lai Uyên		Công văn số 159/TTg-CN ngày 4/2/2021 của Thủ tướng chính phủ v/v đề án điều chỉnh quy hoạch phát triển các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Dương Quyết định số 3784/QĐ-UBND của UBND tỉnh CV 173/TTg-KTN ngày 28/01/2016 v/v điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương đến năm 2020
-	Khu công nghiệp Lai Hưng	SKK	600,00		600,00	CLN	Tân Hưng	Tờ bản đồ 26, 25, 27, 28, 29, 30, 9	CV 173/TTg-KTN ngày 28/01/2016 v/v điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương đến năm 2020
-	Khu công nghiệp khoa học công nghệ	SKK	1.013,00		1.013,00	CLN	Cây Trường II		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 556/2021/CV/IDC-TTQH ngày 28/7/2021 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSDĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu công nghiệp Dầu Tiếng 4	SKK	221,30		221,30	CLN	Cây Trường II		Công văn số 710/CSDT-KT ngày 29/6/2021 của Cty TNHH MTV cao su Dầu Tiếng v/v đăng ký nhu cầu để lập QHSDĐ đến năm 2030, KHSDĐ năm 2021 khu vực huyện Bàu Bàng
-	Khu công nghiệp Dầu Tiếng 1	SKK	1.008,62		1.008,62	CLN	Long Nguyên		Công văn số 710/CSDT-KT ngày 29/6/2021 của Cty TNHH MTV cao su Dầu Tiếng v/v đăng ký nhu cầu để lập QHSDĐ đến năm 2030, KHSDĐ năm 2021 khu vực huyện Bàu Bàng
-	Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng (Giai đoạn II)	SKK	997,00		997,00	CLN	Tân Hưng, Hưng Hòa	Hưng Hòa: Tờ bản đồ 13, 12, 5, 3, 14, 28, 29 Tân Hưng: Tờ bản đồ 13, 28, 29	Công văn số 4087/UBND-KTTH ngày 15/8/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc triển khai thực hiện chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy về dự án KCN Tân Bình GĐ 2 Công văn số 496/2021/CV-KCNTB ngày 14/6/2021 của Công ty CP KCN Tân Bình v/v Điều chỉnh QHSDĐ KCN Tân Bình GĐ II Công văn số 364/2020/CV-KCNTB ngày 12/5/2020 của Công ty CP KCN Tân Bình v/v QHSDĐ KCN Tân Bình mở rộng GĐ II và Khu tái định cư, nhà ở công nhân Tân Bình Công văn số 883/2020/CV-KCNTB ngày 3/5/2020 của Công ty CP KCN Tân Bình v/v quy hoạch KCN Tân Bình mở rộng giai đoạn II

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng (Giai đoạn III)	SKK	272,26		272,26	CLN	Hưng Hòa	Tờ bản đồ 14	Công văn số 438/CSPH-KT ngày 14/6/2021 của Công ty CP cao su Phước Hòa v/v ĐCQHSDĐ giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 của công ty cổ phần cao su Phước Hòa Công văn số 243/CSPH-KT ngày 17/4/2020 của Công ty CP cao su Phước Hòa v/v QHSDĐ giai đoạn 2020-2025 của công ty cổ phần cao su Phước Hòa
4	**Đất cụm công nghiệp**								
5	**Đất thương mại dịch vụ**								
-	Trạm dừng nghỉ đường bộ loại II	TMD	5,00		5,00	CLN	Lai Hưng	Thửa đất số 2, 11 tờ bản đồ số 42	Công văn số 1463//BGTVT ngày 19/3/2018 của Bộ Giao thông Vận tải về việc chấp thuận chủ trương địa điểm đầu tư trạm dừng nghỉ đường bộ
-	Cửa hàng xăng dầu	TMD	0,21		0,21	CLN	Cây Trường II	Thửa 1002, Tờ bản đồ 6	Công văn số 61//TB-SKHĐT ngày 10/11/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư v/v thực hiện quyết định chủ trương đầu tư dự án kinh doanh bán lẻ xăng dầu, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại
-	Cửa hàng xăng dầu (Công ty TM XNK Thành Lễ)	TMD	0,19		0,19	CLN	Trừ Văn Thố	Thửa 552, 553, tờ bản đồ 23	
-	Cửa hàng xăng dầu (Công ty TM XNK Thành Lễ)	TMD	0,18		0,18	CLN	Lai Hưng	Thửa 842, tờ bản đồ 9	
-	Cửa hàng xăng dầu (Công ty TNHH Gỗ Phú Thành Đạt)	TMD	0,30		0,30	CLN	Lai Uyên	Thửa 634, tờ bản đồ 37	Công văn số 61//TB-SKHĐT ngày 10/11/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư v/v thực hiện quyết định chủ trương đầu tư dự án kinh doanh bán lẻ xăng dầu, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại
-	Cửa hàng xăng dầu (Ông Đặng Thanh Tuấn)	TMD	0,32		0,32	CLN	Trừ Văn Thố	Thửa 218, tờ bản đồ 20	Công văn số 61//TB-SKHĐT ngày 10/11/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư v/v thực hiện quyết định chủ trương đầu tư dự án kinh doanh bán lẻ xăng dầu, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại
-	Cửa hàng xăng dầu (Ông Bùi Văn Làm)	TMD	0,10		0,10	CLN	Lai Uyên	Thửa 467,492,501, tờ bản đồ 56	Công văn số 61//TB-SKHĐT ngày 10/11/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư v/v thực hiện quyết định chủ trương đầu tư dự án kinh doanh bán lẻ xăng dầu, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại
-	Cửa hàng xăng dầu (Công ty TNHH Dầu khí Trọng Nghĩa)	TMD	0,27		0,27	CLN	Lai Hưng	Thửa 584, tờ bản đồ 26	Công văn số 61//TB-SKHĐT ngày 10/11/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư v/v thực hiện quyết định chủ trương đầu tư dự án kinh doanh bán lẻ xăng dầu, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại
-	Cửa hàng xăng dầu (Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Bình Dương)	TMD	0,12		0,12	CLN	Long Nguyên	Thửa 65, tờ bản đồ 77	Công văn số 12/KTM-CTY ngày 22/2/2021 của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Bình Dương v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất ở đến năm 2030, bổ sung quy hoạch 46ha làm khu dân cư và TMDV

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Cửa hàng xăng dầu (Trần Nguyễn Thảo Tâm)	TMD	0,34		0,34	CLN	Long Nguyên	Thửa 735, 736, 734, tờ bản đồ 21	Báo cáo số 1762/UBND-KT ngày 14/6/2021 của UBND huyện Bàu Bàng v/v lấy ý kiến đối với các trường hợp hộ gia đình, cá nhân, tổ chức đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bàu Bàng
-	Cửa hàng xăng dầu	TMD	0,46		0,46	CLN	Lai Hưng	Thửa 834, 835, tờ bản đồ 18	Báo cáo số 1762/UBND-KT ngày 14/6/2021 của UBND huyện Bàu Bàng v/v lấy ý kiến đối với các trường hợp hộ gia đình, cá nhân, tổ chức đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bàu Bàng
-	Dự án dịch vụ logistics	TMD	4,69		4,69	CLN	Long Nguyên	Thửa 305, tờ bản đồ 38	Quyết định chủ trương đầu tư số 2311/UBND-KTN ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh Bình Dương
-	Khu logistics	TMD	290,00		290,00	CLN	Tân Hưng	Tờ bản đồ 27, 29, 30	Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSDĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Siêu thị Bàu Bàng	TMD	0,50		0,50	CLN	Lai Uyên	KCN Bàu Bàng	Quyết định số 4109/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh quy hoạch phát triển mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tỉnh Bình Dương đến năm 2020
-	Chuyển mục đích đất thương mại dịch vụ hộ gia đình cá nhân	TMD	65,00		65,00	CLN, HNK	Các xã, thị trấn		Hộ gia đình cá nhân đăng ký
6	**Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**								
-	Nhà máy sản xuất nguyên vật liệu ngành dệt may	SKC	1,07		1,07	CLN	Long Nguyên	Thửa 1399, tờ bản đồ 77	Quyết định chủ trương đầu tư số 1800/UBND-KTN ngày 6/7/2020 của UBND tỉnh Bình Dương
-	Dự án sản xuất thiết bị chăn nuôi công nghiệp và cho thuê nhà xưởng	SKC	11,30		11,30	CLN	Lai Uyên	Tờ bản đồ 42	Quyết định chủ trương đầu tư số 2426/UBND-KTN ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh Bình Dương
-	Nhà máy cung cấp nước sạch	SKC	0,48		0,48	CLN	Cây Trường II	Thửa số 31, tờ bản đồ 30	Lấy quỹ đất công ấp bà Tứ
-	Trạm cấp nước sạch	SKC	0,41		0,41	CLN	Cây Trường II	Thửa số 61, tờ bản đồ 5	Lấy quỹ đất công ấp ông Chài
-	Chuyển mục đích đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp hộ gia đình cá nhân	SKC	453,00		453,00	CLN, HNK	Các xã, thị trấn		Hộ gia đình cá nhân đăng ký
7	**Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản**								
8	**Đất có di tích lịch sử văn hóa**								
-	Khu di tích ấp Bến Tượng	DDT	0,21	0,21		DDT	Lai Hưng	Thửa 812, tờ bản đồ 28	Quyết định số 2516/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2012 của UBND tỉnh Bình Dương; Đang thực hiện; Đất công xã quản lý, đưa vào để cấp giấy chứng nhận
-	Bia tưởng niệm chiến thắng Đồng Sổ	DDT	0,05		0,05	CLN	Lai Uyên		Chuyển tiếp ĐC QHSDĐ 2020
9	**Đất danh lam thắng cảnh**								
10	**Đất bãi thải, xử lý chất thải**								

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Điểm tập kết, trung chuyển rác thải	DRA	0,20		0,20	CLN	Lai Uyên	Một phần thửa 500, tờ bản đồ 33	Đất công Công văn số 181/UBND-MT ngày 28/6/2021 của UBND TT Lai Uyên v/v chuyển đổi vị trí điểm tập kết rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Lai Uyên
-	Điểm tập kết, trung chuyển rác thải	DRA	1,00		1,00	CLN	Hưng Hòa	1 phần thửa 12, tờ bản đồ 11	Đất công ty cao su Phước Hòa
-	Điểm tập kết, trung chuyển rác thải	DRA	0,46	0,46		DRA	Trừ Văn Thố	Thửa 197, tờ bản đồ 14	Hiện trạng đã kiểm kê bãi rác
-	Điểm tập kết, trung chuyển rác thải	DRA	0,82		0,82	CLN	Long Nguyên	Thửa 325, tờ 38	Đất công
-	Điểm tập kết, trung chuyển rác thải	DRA	0,50		0,50	CLN	Long Nguyên	1 phần thửa 268, tờ bản đồ 78	Đất công Công văn số 74/UBND-KT ngày 7/7/2021 của UBND xã Long Nguyên v/v cung cấp vị trí, cự ly, tuyến vận chuyển gần nhất từ điểm tập kết đến nhà máy xử lý
-	Điểm tập kết, trung chuyển rác thải	DRA	0,30		0,30	NTD	Cây Trường II	1 phần thửa số 78, tờ bản đồ 16	Lấy quỹ đất nghĩa địa
-	Điểm tập kết, trung chuyển rác thải	DRA	2,00		2,00	CLN	Tân Hưng	Thửa 104, tờ bản đồ số 25	Đất công ty cao su
11	**Đất xây dựng trụ sở cơ quan**								
-	Ban chỉ huy quân sự xã Hưng Hòa	TSC	1,92	1,92		TSC	Hưng Hòa	Thửa 694, tờ số 14	Đang làm thủ tục cấp GCN QSDĐ
-	Ban chỉ huy quân sự xã Trừ Văn Thố	TSC	0,38		0,38	DSH	Trừ Văn Thố	Thửa 26, tờ bản đồ 4	Chung trong khu văn phòng ấp 4
-	Ban CHQS xã Cây Trường II	TSC	0,20		0,20	CLN	Cây Trường II	Thửa số 61, tờ bản đồ 5	Văn bản số 170/UBND-KT ngày 30/10/2020 của UBND xã Cây Trường về việc bổ sung đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 và KHSDĐ năm 2021
-	Ban CHQS xã Tân Hưng	TSC	0,89		0,89	CLN	Tân Hưng	Tờ bản đồ 25	Báo cáo số 956/BC-BCH ngày 29/10/2020 của BCH QS huyện Bàu Bàng
-	Ban CHQS xã Lai Hưng	TSC	1,02		1,02	DVH	Lai Hưng	1 phần thửa 347, tờ 40	Báo cáo số 956/BC-BCH ngày 29/10/2020 của BCH QS huyện Bàu Bàng
-	Chốt dân quân khu phố Cây Sắn	TSC	0,03		0,03	DSH	Lai Uyên	Thửa 74, tờ bản đồ số 25	Lấy quỹ đất VP KP Cây Sắn cũ; Đất công
-	Doanh trại Trung đội dân quân thường trực huyện Bàu Bàng	TSC	0,50		0,50	CLN	Lai Uyên	KCN và đô thị Bàu Bàng	Thuộc KCN và đô thị Bàu Bàng
-	Trụ sở công an xã Trừ Văn Thố	TSC	0,32		0,32	CLN	Trừ Văn Thố	Thửa 117, tờ số 5	Đất công; Đã nộp hồ sơ xin cấp GCN QSDĐ
-	Trụ sở công an xã Lai Hưng	TSC	0,86		0,86	DGD	Lai Hưng	Thửa 249, tờ số 40	
-	Trụ sở công an xã Hưng Hòa	TSC	0,30	0,30		TSC	Hưng Hòa	Thửa 694, tờ số 14	Đang làm thủ tục cấp GCN QSDĐ
-	Trụ sở công an xã Tân Hưng	TSC	3,31		3,31	CLN	Tân Hưng	Một phần thửa 141, tờ bản đồ 25	

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân xã Hưng Hòa	TSC	0,11		0,11	DYT	Hưng Hòa	Thửa 69, tờ BĐ 18	Quyết định số 2266/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Xây dựng Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Hưng Hòa
-	Hội trường Huyện, nhà ăn Huyện ủy	TSC	4,00	4,00		TSC	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 56	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 19/12/2017 về phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2018
-	Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng	TSC	0,50	0,50		TSC	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 56	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn
-	Trụ sở Chi cục thi hành án dân sự	TSC	0,21	0,21		TSC	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 56	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn
-	Trụ sở Viện KSND huyện Bàu Bàng	TSC	0,27	0,27		TSC	Lai Uyên	Thửa 1959, tờ 56	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn
-	Trụ sở Kho bạc nhà nước Bàu Bàng	TSC	0,35	0,35		TSC	Lai Uyên	Thửa 1980, tờ 56	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn
-	Trụ sở Chi cục thuế huyện Bàu Bàng	TSC	0,21	0,21		TSC	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 56	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn
-	Trụ sở Trạm thú y, Trạm bảo vệ thực vật, Trạm khuyến nông	TSC	0,21	0,21		TSC	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 56	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn
-	Trụ sở Chi cục thống kê	TSC	0,21	0,21		TSC	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 56	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn
-	Trụ sở Đài truyền thanh	TSC	0,21	0,21		TSC	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 56	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn
-	Trụ sở Đội quản lý thị trường	TSC	0,21	0,21		TSC	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 56	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn
-	Trụ sở Bảo hiểm xã hội	TSC	0,21	0,21		TSC	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 56	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn
-	Trụ sở Trung tâm bồi dưỡng lý luận chính trị	TSC	0,42	0,42		TSC	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 56	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn
-	Trụ sở Trung tâm lưu trữ	TSC	0,22	0,22		TSC	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 56	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn
-	Xí nghiệp công trình công cộng	TSC	0,61	0,61		TSC	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 41	Đất Becamex; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn
-	Nhà làm việc của khối đoàn thể và bộ phận một cửa xã Long Nguyên	TSC	0,38		0,38	DVH	Long Nguyên	Thửa 54, tờ bản đồ 29	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021 Lấy quỹ đất từ trung tâm văn hóa xã
-	Hội trường UBND xã Trừ Văn Thố	TSC	0,17		0,17	DGD	Trừ Văn Thố	Thửa 1308, tờ bản đồ 87	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021 Lấy quỹ đất trường THCS cũ
12	**Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp**								
13	**Đất xây dựng cơ sở ngoại giao**								
14	**Đất cơ sở tôn giáo**								
-	Chi hội Tin lành Tân Hưng	TON	0,06		0,06	CLN	Tân Hưng	Thửa 44, tờ bản đồ số 7	Phòng Nội vụ đăng ký

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Chùa Đại Bi	TON	0,86		0,86	CLN	Long Nguyên	Thửa 917, 918, tờ bản đồ 34	Công văn số 6083/UBND-VX ngày 11/12/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc xây mới chùa Đại Bi, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng
-	Đất tôn giáo	TON	0,61		0,61	CLN	Trừ Văn Thố	Thửa 46, tờ bản đồ số 15	UBND xã ý kiến tại Hội nghị ngày 3/12/2020
-	Tịnh xá Ngọc Định	TON	3,11		3,11	CLN	Lai Uyên	Thửa 458, tờ bản đồ số 5	Công văn số 547/UBND-VX ngày 5/2/2021 của UBND tỉnh Bình Dương về việc xây mới tịnh xá Ngọc Định, TT Lai Uyên, huyện Bàu Bàng
15	**Đất nghĩa trang nghĩa địa**								
-	Đất nghĩa địa cũ	NTD	1,50	1,50		CLN	Long Nguyên	Thửa 11, Tờ BĐ 73	Văn bản 3690/CSVN-KHĐT ngày 30/11/2016 của Tập đoàn công nghiệp cao su VN v/v ý kiến về diện tích, trình tự thu hồi đất các công ty cao su
-	Nghĩa trang Long nguyên (mở rộng)	NTD	3,06		3,06	CLN	Long Nguyên	Thửa 945, tờ bản đồ 27	Chưa cấp GCN QSDĐ
-	Nghĩa trang nhân dân xã Cây Trường II	NTD	4,48		4,48	CLN	Cây Trường II	Thửa 16, tờ bản đồ số 9	Đất công ty cao su
-	Nghĩa trang Hưng Hòa	NTD	3,00		3,00	CLN	Hưng Hòa	1 phần thửa 12, tờ bản đồ 11	Đất công ty cao su Phước Hòa
-	Nghĩa trang nhân dân TT. Lai Uyên (mở rộng)	NTD	0,17		0,17	CLN	Lai Uyên	Thửa 430, 62, 63, 64, tờ bản đồ 17	
-	Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Trừ Văn Thố	NTD	0,73		0,73	CLN	Trừ Văn Thố	Thửa 111, tờ bản đồ 24	
-	Nghĩa trang liệt sĩ huyện	NTD	2,24		2,24	CLN	Lai Hưng	Thửa số 499, tờ bản đồ 37	Đất công giáp Đài Việt; Bổ sung kiểm kê
16	**Đất sản xuất vật liệu xây dựng**								
-	Đất sản xuất vật liệu xây dựng (mở rộng)	SKX	101,20	35,35	65,85	CLN	Long Nguyên		Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 27/6/2018 của UBND tỉnh
17	**Đất sinh hoạt cộng đồng**								
-	Văn phòng ấp 1	DSH	0,30		0,30	CLN	Hưng Hòa	Thuộc khu 5ha: UBND xã 2,0ha, Trường THPT 2,0 ha, Công An 0,5ha và văn phòng ấp 1 là 0,5ha (1 phần thửa 33, tờ bản đồ 15)	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
-	Văn phòng ấp 2	DSH	0,30		0,30	CLN	Hưng Hòa	Thửa 376, tờ bản đồ 5	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
-	Văn phòng ấp 3	DSH	0,30		0,30	CLN	Hưng Hòa	Thửa 313, tờ bản đồ 3	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 của HĐND huyện Bàu Bàng về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021
-	Văn phòng ấp 4	DSH	0,30		0,30	CLN	Hưng Hòa	Thửa 506, tờ bản đồ 4	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Văn phòng ấp 5	DSH	0,30		0,30	CLN	Hưng Hòa	Thửa 541, tờ bản đồ 4	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
-	Văn phòng ấp 6	DSH	0,30		0,30	CLN	Hưng Hòa	Thửa 222, tờ bản đồ 13	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
-	Văn phòng ấp Lai Khê (Chốt dân quân)	DSH	0,03		0,03	CLN	Lai Hưng	Thửa số 570, tờ bản đồ 16	Chưa cấp GCN QSDĐ
-	Văn phòng ấp Lai Khê mới	DSH	0,10		0,10	CLN	Lai Hưng	Thửa số 250, tờ bản đồ 40	Đất công xã quản lý, đưa vào để cấp giấy chứng nhận
-	Chốt văn phòng ấp Lai Khê (tổ 1)	DSH	0,10		0,10	CLN	Lai Hưng	Thửa số 88, tờ bản đồ 21	Đất công xã quản lý, đưa vào để cấp giấy chứng nhận
-	Văn phòng ấp Cầu Sắt	DSH	0,10		0,10	DGD	Lai Hưng	1 phần thửa 77, tờ bản đồ 3	Trường TH Lai Hưng cũ
-	Văn phòng khu phố Đồng Chèo	DSH	0,30		0,30	CLN	Lai Uyên	1 phần thửa 87, tờ 38	Văn bản 3690/CSVN-KHĐT ngày 30/11/2016 của Tập đoàn công nghiệp cao su VN v/v ý kiến về diện tích, trình tự thu hồi đất các công ty cao su
-	Văn phòng khu phố Bàu Bàng	DSH	0,05		0,05	CLN	Lai Uyên	Tờ số 40	Nghị quyết số 59/NQ-HĐND
-	Văn phòng khu phố Bàu Hốt	DSH	0,15		0,15	CLN	Lai Uyên	Thửa 184, tờ bản đồ số 7	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
-	Văn phòng khu phố Đồng Sổ	DSH	0,08		0,08	CLN	Lai Uyên	Tờ 56	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021
-	Văn phòng ấp Nhà Mát	DSH	0,02		0,02	CLN	Long Nguyên	Thửa số 457, tờ bản đồ 9	Chuyển tiếp ĐC QHSDĐ 2020
-	Văn phòng ấp Bến Sắn	DSH	0,27		0,27	DVH	Long Nguyên	Thửa 1418, tờ bản đồ 77	Lấy quỹ đất từ cụm văn hóa ấp Bến Sắn
-	Văn phòng ấp Long Thành	DSH	0,41		0,41	DGD	Long Nguyên	Thửa 46, tờ bản đồ 7	Lấy quỹ đất từ trường MN Sao Mai
-	Văn phòng ấp Long Thành (cũ)	DSH	0,50		0,50	CLN	Long Nguyên		Đất công ty cao su Dầu Tiếng
-	Văn phòng ấp 1	DSH	0,30		0,30	CLN	Tân Hưng	Thuộc một phần thửa 46, tờ bản đồ 28	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021
-	Văn phòng ấp 2	DSH	0,30		0,30	CLN	Tân Hưng	Thuộc một phần thửa 5, tờ bản đồ 28	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Văn phòng ấp 3	DSH	0,30		0,30	CLN	Tân Hưng	Thuộc một phần thửa 126, tờ bản đồ 25	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
-	Văn phòng ấp 4	DSH	0,30		0,30	CLN	Tân Hưng	Thuộc một phần thửa 5, tờ bản đồ 26	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
-	Văn phòng ấp 5	DSH	0,30		0,30	CLN	Tân Hưng	Thuộc một phần thửa 9, tờ bản đồ 26	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021
-	Văn phòng ấp 1	DSH	0,03		0,03	CLN	Trừ Văn Thố	Thửa 646, tờ bản đồ số 9	Chuyển tiếp ĐC QHSDĐ 2020
18	**Đất khu vui chơi giải trí công cộng**								
-	Đất khu vui chơi giải trí công cộng (quỹ đất dự trữ)	DKV	15,00		15,00	CLN			
-	Công viên Bằng Lăng (khu phố Bàu Lòng)	DKV	0,11		0,11	TSC	Lai Uyên	Thửa 18, tờ bản đồ số 1	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Lấy quỹ đất cửa hàng Lai uyên (Đất công)
-	Khu vui chơi thể thao	DKV	0,22		0,22	DGD	Lai Uyên	Thửa 55, 1 phần thửa 171, tờ 10	Trên nền đất PH trường mầm non, KP Đồng Chèo Văn bản 3690/CSVN-KHĐT ngày 30/11/2016 của Tập đoàn công nghiệp cao su VN v/v ý kiến về diện tích, trình tự thu hồi đất các công ty cao su
-	Công viên ấp Long Bình	DKV	0,15		0,15	DCH	Long Nguyên	Thửa 226, tờ bản đồ 16	Lấy quỹ đất từ chợ Long Bình
-	Khu vui chơi giải trí	DKV	0,51		0,51	CLN	Cây Trường II	Thửa 21, tờ bản đồ 32	Lấy quỹ đất công ấp bà Tứ
-	Khu vui chơi thể thao Yến Dương	DKV	0,25		0,25	CLN	Trừ Văn Thố	Thửa 1646, Tờ bản đồ 39	Văn bản số 1741/UBND-KT ngày 26/5/2020của UBND huyện Bàu Bàng v/v địa điểm xây dựng khu vui chơi thể thao Yến Dương của ông Trần Phi Thường
-	Đất công viên cây xanh (Dự án nạo vét suối Đồng Sổ)	DKV	8,81		8,81	CLN, HNK	Lai Uyên, Lai Hưng	Công trình dạng tuyến	Công văn số 916/UBND-KT ngày 29/3/2021 của UBND huyện Bàu Bàng về việc cập nhật dự án Nạo vét suối Đồng Sổ vào quy hoạch của huyện Bàu Bàng
-	Đất công viên cây xanh	DKV	0,40		0,40	SKC	Lai Uyên	Thửa 120, tờ bản đồ 40	Tờ trình 166/TTr-UBND ngày 30/8/2021 của UBND huyện Bàu Bàng v/v xem xét chấp thuận giao thửa đất số 120, tờ bản đồ 40 cho UBND TT Lai Uyên làm công viên cây xanh
-	Đất trong khu các công trình phúc lợi công cộng	DKV	4,32		4,32	SKC	Lai Uyên	Thửa 67,68, 81, tờ bản đồ 37	

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Đất trong khu các công trình phúc lợi công cộng	DKV	14,05		14,05	CLN	Tân Hưng	Tờ bản đồ 37	
-	Đất trong khu các công trình phúc lợi công cộng	DKV	4,62		4,62	SKC	Lai Uyên	Thửa 6421, tờ bản đồ 41	
19	**Đất cơ sở tín ngưỡng**								
20	**Đất giáo dục đào tạo**								
-	Trường mầm non Tân Hưng	DGD	2,00		2,00	CLN	Tân Hưng	Thửa số 296, tờ bản đồ 25	Quyết định số 3515/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của UBD tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2019
-	Trường mầm non Lai Hưng	DGD	1,37		1,37	DVH	Lai Hưng	1 phần thửa 347, tờ 40	
-	Trường mầm non Ánh Dương	DGD	1,71		1,71	CLN	Lai Uyên	Tờ BĐ 54	NQ số 14/NQ-HĐND ngày 2017 v/v điều chỉnh bổ sung NQ 59; Đất công ty Becamex đã bàn giao (Đã xây dựng và đi vào hoạt động)
-	Trường mầm non Ánh Dương 2	DGD	1,60		1,60	CLN	Lai Uyên		Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
-	Trường mầm non Hưng Hòa (khu đất công 6,1ha)	DGD	1,15		1,15	CLN	Hưng Hòa	Thửa 536, tờ bản đồ 13	Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND tỉnh Bình Dương
-	Trường mầm non Sao Mai (Khu 8,6ha)	DGD	1,04		1,04	DVH	Long Nguyên	Thửa 164, tờ bản đồ 73	
-	Trường mầm non và sân bóng	DGD	4,15		4,15	CLN	Cây Trường II	Thửa số 569, tờ bản đồ 20	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Lấy quỹ đất công ấp bà Tứ
-	Trường mầm non xã Trừ Văn Thố	DGD	0,70		0,70	CLN	Trừ Văn Thố	Một phần thửa số 312, tờ bản đồ 10	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021
-	Trường Tiểu học Kim Đồng	DGD	1,60		1,60	CLN	Lai Hưng	Tờ bản đồ số 48	Nghị quyết 01/2018/NQ-HĐND ngày 20/07/2018; Quyết định số 1465/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Trường Tiểu học Kim Đồng, huyện Bàu Bàng
-	Trường Tiểu học Bàu Bàng	DGD	1,60		1,60	CLN	Lai Uyên	Thửa 989, tờ số 56	Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
	Trường Tiểu học Bàu Bàng 2	DGD	1,60		1,60	CLN	Lai Uyên		Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Trường Trung học cơ sở Tân Hưng	DGD	3,00		3,00	CLN	Tân Hưng		Chuyển tiếp ĐC QHSDĐ 2020
-	Trường Trung học cơ sở tạo nguồn Lai Uyên	DGD	3,52		3,52	CLN	Lai Uyên		Chuyển tiếp ĐC QHSDĐ 2020
-	Trường Trung học cơ sở Lai Uyên	DGD	2,43		2,43	CLN	Lai Uyên	Thửa 1154, 1155, tờ bản đồ 50	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 của HĐND huyện Bàu Bàng về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021
-	Trường Trung học cơ sở Long Bình (khu 8,6ha)	DGD	1,60		1,60	DVH	Long Nguyên	Thửa 164, tờ bản đồ 73	
-	Trường Trung học phổ thông Hưng Hòa	DGD	2,00		2,00	CLN	Hưng Hòa		Chuyển tiếp ĐC QHSDĐ 2020
-	Trường Trung học phổ thông Long Nguyên (Khu 8,6ha)	DGD	1,77		1,77	DVH	Long Nguyên	Thửa 164, tờ bản đồ 73	
-	Trường Trung học phổ thông Tân Hưng	DGD	3,00		3,00	CLN	Tân Hưng	Thửa 133, tờ bản đồ số 25	
-	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên huyện Bàu Bàng	DGD	3,00		3,00	CLN	Lai Uyên		
-	Khu Đô thị đại học Cổng Xanh	DGD	226,00		226,00	CLN	Hưng Hòa		Chuyển tiếp ĐC QHSDĐ 2020
-	Khu Đại học Y Dược	DGD	115,00		115,00	CLN	Hưng Hòa		Chuyển tiếp ĐC QHSDĐ 2020
-	Đất trong khu các công trình phúc lợi công cộng	DGD	3,54		3,54	SKC	Lai Uyên	Thửa 67,68, 81, tờ bản đồ 37	
-	Đất trong khu các công trình phúc lợi công cộng	DGD	35,13		35,13	CLN	Tân Hưng	Tờ bản đồ 37	
-	Đất trong khu các công trình phúc lợi công cộng	DGD	6,17		6,17	SKC	Lai Uyên	Thửa 6421, tờ bản đồ 41	
21	**Đất xây dựng cơ sở văn hóa**		0,00						
-	Khu văn hóa, công trình công cộng (Trung tâm văn hóa, Trường học, Trạm cấp nước sạch,...)	DVH	10,00		10,00	CLN	Cây Trường II	Thửa 59 tờ bản đồ số 13	Chuyển tiếp ĐC QHSDĐ 2020
-	Trung tâm văn hóa xã Lai Hưng	DVH	4,90	4,90			Lai Hưng	1 phần thửa 347, tờ 40	Nghị quyết 01/2018/NQ-HĐND ngày 20/07/2018; Văn bản 3690/CSVN-KHĐT ngày 30/11/2016 của Tập đoàn công nghiệp cao su VN v/v ý kiến về diện tích, trình tự thu hồi đất các công ty cao su

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Bàu Bàng	DVH	4,00	4,00			Lai Uyên	1 phần thửa 5905, tờ bản đồ 42	Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về KH đầu tư công trung hạn GĐ 2016-2020
-	Trung tâm văn hóa thể thao (Liên đoàn lao động Tỉnh)	DVH	3,00		3,00	CLN	Lai Uyên	1 phần thửa 5905, tờ bản đồ 42	Công văn số 4937/UBND-KT ngày 6/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc triển khai thực hiện dự án thiết chế công đoàn tại KCN Bàu Bàng Thông báo số 146/TB-UBND ngày 06/10/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc đầu tư Trung tâm thể thao công nhân lao động
-	Trung tâm văn hóa TT. Lai Uyên	DVH	2,00		2,00	CLN	Lai Uyên	Một phần thửa đất số 5 và 6, tờ bản đồ số 26	Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND huyện Bàu Bàng về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2017 Đã xây dựng, chưa thực hiện thủ tục thu hồi đất, giao đất
-	Khu văn hóa khu phố Cây Sắn	DVH	0,02		0,02	CLN	Lai Uyên	Thửa 477, tờ 16	Đất công
-	Trung tâm Văn hóa Thể thao xã Long Nguyên (Khu 8,6ha)	DVH	2,14	2,14			Long Nguyên	Thửa 164, tờ bản đồ 73	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 của HĐND huyện Bàu Bàng về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021
-	Cụm văn hóa ấp Bến Sắn	DVH	0,53		0,53	DSH	Long Nguyên	Thửa 1419, tờ bản đồ 77	Lấy quỹ đất từ văn phòng ấp Bến Sắn
-	Trung tâm Văn hóa Thể thao xã Hưng Hòa	DVH	4,20		4,20	CLN	Hưng Hòa	Thửa 537, 538 tờ bản đồ 13	Đang giải phóng mặt bằng, chưa cấp GCN QSDĐ
-	Mở rộng Trung tâm văn hóa xã Tân Hưng	DVH	1,50		1,50	CLN	Tân Hưng	Thửa 74,75,76,77,78,79,84, 85,90,91, tờ số 13	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021
-	Nhà văn hóa và Hội trường ấp 3	DVH	0,32		0,32	DGD	Trừ Văn Thố	Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 13	Quyết định số 2538/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình cải tạo cơ sở cũ văn phòng ấp 3 thành Trung tâm văn hóa xã Trừ Văn
-	Khu di tích lịch sử Dinh Điền 2	DVH	0,12		0,12	DGD	Trừ Văn Thố	Thửa 52, tờ BĐ 13	QĐ 860/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND huyện Bàu Bàng về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2017; NQ số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016
-	Trung tâm văn hóa xã Trừ Văn Thố	DVH	0,37		0,37	DGD	Trừ Văn Thố	Thửa 135, tờ bản đồ 87	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
-	Khu văn hóa - Thể dục thể thao + Sân bóng	DVH	5,00		5,00	CLN	Trừ Văn Thố	Trường Thiếu Niên 3	Chuyển tiếp ĐC QHSDĐ 2020
-	Tượng đài huyện Bàu Bàng	DVH	0,20		0,20	CLN	Lai Uyên	Đất Becamex giao	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/8/2020 về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2021
-	Đất trong khu các công trình phúc lợi công cộng	DVH	7,95		7,95	SKC	Lai Uyên	Thửa 67,68, 81, tở bản đồ 37	
-	Đất trong khu các công trình phúc lợi công cộng	DVH	105,79		105,79	CLN	Tân Hưng	Tờ bản đồ 37	
-	Đất trong khu các công trình phúc lợi công cộng	DVH	9,73		9,73	SKC	Lai Uyên	Thửa 6421, tờ bản đồ 41	
-	Đất trong khu các công trình phúc lợi công cộng	DVH	5,78		5,78	SKC	Trừ Văn Thố	Thửa 6, tờ bản đồ 10; Thửa 25, 103, tờ bản đồ số 5	
22	**Đất thể dục thể thao**								

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Nhà thi đấu đa năng	DTT	3,00		3,00	TMD	Lai Uyên	Khu dân cư 5E	
	Sân golf	DTT	104,00		104,00	CLN	Cây Trường II		
-	Đất trong khu các công trình phúc lợi công cộng	DTT	2,36		2,36	SKC	Lai Uyên	Thửa 67,68, 81, tở bản đồ 37	
-	Đất trong khu các công trình phúc lợi công cộng	DTT	23,42		23,42	CLN	Tân Hưng	Tờ bản đồ 37	
-	Đất trong khu các công trình phúc lợi công cộng	DTT	3,08		3,08	SKC	Lai Uyên	Thửa 6421, tờ bản đồ 41	
23	**Đất khoa học và công nghệ**								
24	**Đất dịch vụ xã hội**								
25	**Đất y tế**								
-	Trung tâm y tế huyện Bàu Bàng	DYT	3,43	3,43			Lai Uyên	Tờ bản đồ số 41	Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
-	Trạm y tế xã Hưng Hòa	DYT	0,20	0,20			Hưng Hòa		Đã xây dựng nhưng chưa được cấp GCN QSDĐ
-	Phòng khám Đa khoa khu vực Long Nguyên	DYT	0,30		0,30	CLN	Long Nguyên		
-	Đất trong khu các công trình phúc lợi công cộng	DYT	1,89		1,89	SKC	Lai Uyên	Thửa 67,68, 81, tở bản đồ 37	
-	Đất trong khu các công trình phúc lợi công cộng	DYT	2,34		2,34	CLN	Tân Hưng	Tờ bản đồ 37	
-	Đất trong khu các công trình phúc lợi công cộng	DYT	2,47		2,47	SKC	Lai Uyên	Thửa 6421, tờ bản đồ 41	
26	**Đất thủy lợi**								
-	Nạo vét, khai thông dòng chảy suối Bàu Lòng đoạn từ cống ngang Quốc lộ 13 đến đường ĐT 750, ấp Bàu Lòng	DTL	0,69		0,69	CLN	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 02, 03, 04	Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 24/05/2017 của UBND huyện Bàu Bàng về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình Nạo vét, khai thông dòng chảy suối Bàu Lòng đoạn từ cống ngang Quốc lộ 13 đến đường ĐT 750, ấp Bàu Lòng
-	Dự án tuyến ống dẫn nước về trung tâm đô thị Bắc Bình Dương	DTL	22,20		22,20	CLN, ONT, SKC	Lai Hưng, Lai Uyên, Tân Hưng, Trừ Văn Thố	Công trình dạng tuyến	Chuyển tiếp ĐC QHSDĐ 2020
-	Nạo vét suối Đồng Sổ	DTL	14,21		14,21	CLN, HNK	Lai Hưng, Lai Uyên	Công trình dạng tuyến	
27	**Đất công trình năng lượng**								

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Đường điện 500KV Đức Hòa - Chơn Thành	DNL	4,61		4,61	CLN	Trừ Văn Thố, Cây Trường II	Công trình dạng tuyến	Công văn số 3181/UBND-KTN ngày 2/7/2019 của UBND tỉnh Bình Dương v/v thỏa thuận điều chỉnh hướng tuyến đoạn đường G22.1 đến 22.3 của công trình đường dây 500kV Đức Hòa - Chơn Thành
-	Đường dây 220kV Chơn Thành - Bến Cát	DNL	1,25		1,25	*CLN*	Trừ Văn Thố, Lai Uyên, Lai Hưng	Công trình dạng tuyến	Công văn 4164/CPMB-ĐB ngày 26/07/2018 của BQLDA các công trình điện miền Trung
-	TBA 220kV Bến Cát 2 và đấu nối và Đường dây 220kV Chơn Thành - Bến Cát 2	DNL	0,90		0,90	CLN	Lai Hưng, Lai Uyên, Long Nguyên	Công trình dạng tuyến	Văn bản số 3189/UBND-KTN ngày 02/07/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thỏa thuận vị trí trạm biến áp 220kV Bến Cát 2 và đường dây đấu nối
-	Lộ ra 110kV trạm 220kV Lai Uyên	DNL	0,28		0,28	CLN	Lai Uyên	Công trình dạng tuyến	Quy hoạch phát triển lưới điện tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016-2025 (có xét đến năm 2035)
-	Công trình đường dây 110kV từ trạm 220kV Bến Cát đến trạm 220kV Chơn Thành	DNL	1,00		1,00	CLN	Lai Hưng, Lai Uyên, Trừ Văn Thố	Công trình dạng tuyến	Văn bản số 970/PCBD-KVVT ngày 20/3/2020 của công ty điện lực Bình Dương đề nghị thông qua HĐND tỉnh
-	Các lộ ra 110kV trạm biến áp 220kV Bến Cát	DNL	0,30		0,30	CLN	Lai Hưng	Tờ DC 34, DC 25, DC 22DC15, DC11, DC10, DC40, DC 37	CV 4559/PCBD-KHVT của công ty điện lực Bình Dương ngày 31/10/2017 v/v đăng ký KHSDĐ 2018
-	Công trình TBA 110kV Bàu Bàng 3 và đường dây đấu nối	DNL	0,50		0,50	CLN	Lai Uyên	Công trình dạng tuyến	Quy hoạch phát triển lưới điện tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016-2025 (có xét đến năm 2035)
-	TBA 110kV Lai Khê và đường dây đấu nối	DNL	0,53		0,53	CLN	Lai Hưng	Công trình dạng tuyến	Theo QH điện lực giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035
-	Công trình trạm biến áp 110kV Cổng Xanh và đường dây đấu nối	DNL	0,10		0,10	CLN	Hưng Hòa	Công trình dạng tuyến	Công văn số 1707/UBND-KT ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận vị trí trạm biến áp 110kV Cổng Xanh và đường dây đấu nối
-	Công trình TBA 110kV Lai Hưng và đường dây đấu nối	DNL	0,40		0,40	CLN	Lai Hưng	Công trình dạng tuyến	Văn bản số 970/PCBD-KVVT ngày 20/3/2020 của công ty điện lực Bình Dương đề nghị thông qua HĐND tỉnh
-	Công trình trạm biến áp 110kV Bàu Bàng 2 và đường dây đấu nối	DNL	0,70		0,70	CLN	Lai Hưng	KCN và đô thị Bàu Bàng thuộc tổng công ty BECAMEX IDC	CV 4559/PCBD-KHVT của công ty điện lực Bình Dương ngày 31/10/2017 v/v đăng ký KHSDĐ 2018
-	Trụ đấu nối trạm biến áp 220 kV	DNL	0,08		0,08	CLN	Lai Hưng		Chuyển tiếp ĐC QHSDĐ 2020
-	Công trình trạm biến áp 110kV Bàu Bàng và đường dây 110kV Bàu Bàng - trạm 220 kV Bến Cát	DNL	0,70		0,70	CLN	Lai Hưng, Lai Uyên	KCN và đô thị Bàu Bàng thuộc tổng công ty BECAMEX IDC	CV 4559/PCBD-KHVT của công ty điện lực Bình Dương ngày 31/10/2017 v/v đăng ký KHSDĐ 2018
-	Trạm biến áp 110KV	DNL	0,40		0,40	CLN	Lai Uyên		Chuyển tiếp ĐC QHSDĐ 2020
-	Công trình TBA 110kV Thanh An và đường dây 110kV Thanh An - trạm 220kV Bến Cát	DNL	1,30		1,30	CLN	Long Nguyên, Lai Hưng	Công trình dạng tuyến	Công văn số 5823/UBND-KT ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận vị trí TBA 110kV Thanh An và đường dây 110kV Thanh An - trạm 220kV Bến Cát

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Trạm biến áp 220kV Lai Uyên và đường dây đấu nối	DNL	5,59		5,59	CLN	Lai Uyên	Công trình dạng tuyến	Văn bản thoả thuận số 4261/UBND-KT ngày 31/8/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thoả thuận vị trí TBD 220KV Lai Uyên và đường dây đấu nối (VB đăng ký 9367/SPMB-PDB của BQL các công trình điện miền Nam ngày 16/8/2021)
28	**Đất bưu chính viễn thông**								
29	**Đất chợ**								
-	Chợ Lai Uyên	DCH	0,36		0,36	CLN	Lai Uyên	Một phần thửa 73, tờ 7	Đang sử dụng, chưa được cấp giấy CNQSDĐ
-	Chợ ấp Cầu Sắt	DCH	0,50		0,50	CLN	Lai Hưng		Quyết định số 4109/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh quy hoạch phát triển mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tỉnh Bình Dương đến năm 2020
-	Chợ ấp Bàu Bàng	DCH	0,50		0,50	CLN	Lai Uyên		Quyết định số 4109/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh quy hoạch phát triển mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tỉnh Bình Dương đến năm 2020
-	Chợ ấp 1	DCH	0,50		0,50	CLN	Trừ Văn Thố		Quyết định số 4109/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh quy hoạch phát triển mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tỉnh Bình Dương đến năm 2020
-	Đất trong khu các công trình phúc lợi công cộng	DCH	1,18		1,18	SKC	Lai Uyên	Thửa 67,68, 81, tờ bản đồ 37	
-	Đất trong khu các công trình phúc lợi công cộng	DCH	2,34		2,34	CLN	Tân Hưng	Tờ bản đồ 37	
-	Đất trong khu các công trình phúc lợi công cộng	DCH	1,54		1,54	SKC	Lai Uyên	Thửa 6421, tờ bản đồ 41	
30	**Đất dịch vụ xã hội**								
-	Trung tâm phục hồi chức năng và Trợ giúp trẻ khuyết tật	DXH	16,12		16,12	HNK	Long Nguyên	Thửa số 222,223,224,225, tờ bản đồ 51	Văn bản số 3591/UBND-KT ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh Bình Dương Văn bản số 2080/UBND-KT ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Bình Dương
31	**Đất khu cụm dân cư, dự án nhà ở**								

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Khu nhà ở Thăng Long	ONT	21,64		21,64	CLN	Trừ Văn Thố	Thửa đất số 127, 51, 48, 145, 47, 291, tờ bản đồ 24	Văn bản số 4935/UBND-KTN của UBND tỉnh Bình Dương ngày 30/9/2019 v/v chấp thuận cho đăng ký đầu tư dự án Khu nhà ở Thăng Long
-	Khu nhà ở Hoàng Cát center	ODT	7,43		7,43	CLN	Lai Uyên	Thửa 02, 03, 04, 786, tờ bản 27	Công văn số 1691/UBND-KTN ngày 17/04/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc chấp thuận cho công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Địa ốc Hoàng Cát Bình Dương làm chủ đầu tư Khu nhà ở Hoàng Cát Center
-	Khu nhà ở Quang Khải	ODT	10,78		10,78	CLN	Lai Uyên	Thửa đất số 73, 186, tờ bản đồ 36	
	Khu nhà ở M&C Lai Hưng (Công ty CP VLXD Bình Dương)	ONT	6,20		6,20	CLN	Lai Hưng	Thửa đất số 22, tờ bản đồ 42; Thửa đất 95, 96, 97, 98, 99, 100, tờ bản đồ 21	Công văn số 6330/UBND-KTN ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh
-	Giao đất các hộ dân thuộc khu đất công 6,1ha	ONT	0,61		0,61	CLN	Hưng Hòa	Thửa 72, 73, tờ bản đồ 13	Công văn số 310/UBND-KTN ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh Bình Dương v/v xử lý kiến nghị liên quan đến điều chỉnh diện tích thu hồi tại Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24/01/2017
-	Khu dân cư 5A, ấp 5, Lai Uyên	ODT	37,71	37,71			Lai Uyên		Giao đất theo tiến độ bồi thường
-	Khu dân cư 5B, ấp 5, Lai Uyên	ODT	31,28	31,28			Lai Uyên		Giao đất theo tiến độ bồi thường
-	Khu dân cư 5C, ấp 5, Lai Uyên	ODT	0,20	0,20			Lai Uyên		Giao đất theo tiến độ bồi thường
-	Khu dân cư 5D, ấp 5, Lai Uyên	ODT	45,24	45,24			Lai Uyên		Giao đất theo tiến độ bồi thường
-	Khu dân cư 5F, ấp 5, Lai Uyên	ODT	9,79	9,79			Lai Uyên		Giao đất theo tiến độ bồi thường
-	Khu dân cư Lai Hưng	ODT	19,05	19,05			Lai Hưng		Giao đất theo tiến độ bồi thường
-	Khu nhà ở Hoàng Khôi - Lai Hưng	ONT	5,16		5,16	CLN	Lai Hưng	1p538, 1p22, tờ bản đồ 2	Doanh nghiệp đăng ký
-	Khu nhà ở Thuận Phát 2	ONT	20,37		20,37	CLN	Long Nguyên	Thửa 44, 108, 365, 366, 367, 368, 369, 370, 371, 372, 373, 374, 375, 376, 377, tờ bản đồ 50	Doanh nghiệp đăng ký
-	Khu nhà ở M&C Long Nguyên	ONT	46,19		46,19	CLN	Long Nguyên	Thửa 1318, 1772, 1319, 1085, 1980, 32, 43, 61, 65, 941, tờ 77; Thửa 599, 701, 702, 1020, 600, tờ 52	Doanh nghiệp đăng ký

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Khu nhà ở Ngọc Tiến Thành	ODT	4,62		4,62	CLN	Lai Uyên	Thửa 534, 671, 672, 673, 674, 675, 873, 874, 875, 876, 877, 878, 879, 880, 881, 882, 666, 667, 668, 669, 670, 883, 884, 885, 886, 887, 837, 838, 839, 840, 570, 568, 571, 841, 842, 843, 844, 566, 565, 607, 608, 592, 593, 605, 576, 606, 845, 846, 847, 848, 849, 850, 834, 836, 575, 577, 579, 511, tờ bản đồ 5	Doanh nghiệp đăng ký
-	Khu nhà ở Quang Khải	ODT	10,79		10,79	CLN	Lai Uyên	Thửa 73, 186, tờ bản đồ 36	Doanh nghiệp đăng ký
-	Khu nhà ở Vĩnh Lợi	ODT	24,95		24,95	CLN	Lai Uyên	Thửa 678, tờ bản đồ 36	Doanh nghiệp đăng ký
-	Khu nhà ở Toàn Thắng (Công ty CP KD BĐS Toàn Thắng)	ONT	3,91		3,91	CLN	Trừ Văn Thố	Thửa 905, 906, 907, 908, 909, 910, 911, 912, 913, 914, 904, tờ 24	Doanh nghiệp đăng ký
-	Khu nhà ở Thăng Long giai đoạn 2 (Công ty TNHH TM DV XD PT địa ốc Thuận Phát Land)	ONT	18,29		18,29	CLN	Trừ Văn Thố	Thửa Các thửa 48, 51, 291, 1p47, 1p127, tờ bản đồ 24, tờ 24	Doanh nghiệp đăng ký
-	Khu dân cư (Công ty Cổ phần Bất động sản Ánh Dương Miền Nam)	ONT	7,04		7,04	CLN	Trừ Văn Thố	Thửa 3706, tờ 20	Doanh nghiệp đăng ký
-	Khu nhà ở Ngọc Tiến Thành - Trừ Văn Thố (Công ty TNHH Ngọc Tiến Thành Land)	ONT	9,39		9,39	CLN	Trừ Văn Thố	Thửa 196, 195, 189, 190, 191, 178, 179, 180, 181, 182, 183, 184, 185, 192, 193, 194, 188, 187, 186, 199, 200, 201, 215, 216, 211, 212, 202, 203, 174, 173, 175, 176, 177, 162, 166, 167, 162, 166, 167, 168, 169, 170, 172 , tờ 29 Thửa 337, 338, 342, 341, 340, 339, 334, 335, 336, 310, 312, 332, 331, 333, 320, 319, 318, 317, 324, 325, 326, 321, 322, 323, 327, 328, 329, 330, tờ 30	Doanh nghiệp đăng ký
-	Khu nhà ở An Phát Luxury (Công ty TNHH sản xuất Thương mại Quốc Việt)	ONT	2,00		2,00	CLN	Long Nguyên	Thửa 758, 759, tờ 57	Doanh nghiệp đăng ký
-	Khu nhà ở Kim Long Đại Việt	ONT	2,98		2,98	CLN	Long Nguyên	Thửa 52, tờ 5	Doanh nghiệp đăng ký
-	Khu nhà ở thương mại (Công ty CP Xương Đỉnh)	ODT	15,03		15,03	CLN	Lai Uyên	Thửa 1974, tờ 40	Doanh nghiệp đăng ký
-	Khu nhà ở Trung Gia Nguyên (Công ty TNHH Trung Gia Quyên)	ODT	10,10		10,10	CLN	Lai Uyên	Thửa 842, 1024, tờ 36	Doanh nghiệp đăng ký

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Khu nhà ở (Công ty TNHH XD-ĐT BĐS Huỳnh Gia Phát)	ODT	8,32		8,32	CLN	Lai Uyên	Thửa 166, 132, tờ 37	Doanh nghiệp đăng ký
-	Dự án nhà ở (Công ty CP Vật liệu và xây dựng Bình Dương)	ONT	46,19		46,19	CLN	Long Nguyên	Thửa 1318, 1772, 1319, 1085, 1980, 32, 43, 61, 65, 941, tờ 77	Doanh nghiệp đăng ký
-	Khu nhà ở Phúc An Khang	ODT	12,00		12,00	CLN	Lai Uyên	Thửa 2374, tờ 36	Doanh nghiệp đăng ký
-	Khu nhà ở Huỳnh Gia Phát 5	ONT	3,74		3,74	CLN	Long Nguyên	Thửa 549, 1181, 579, 718, 626, 627, 628, 629, 527, 1306, 483, tờ 62	Doanh nghiệp đăng ký
-	Khu tái định cư Long Nguyên	ONT	7,13		7,13	CLN	Long Nguyên	Thửa 1478, 1507, 1735, tờ bản đồ 77	Doanh nghiệp đăng ký
-	Khu dân cư (Công ty CP VLXD Bình Dương)	ONT	46,19		46,19	SKX, CLN	Long Nguyên	Thửa 1318, 1772, 1319, 1085, 1980, 32, 43, 61, 65, 941, tờ 77; Thửa 599, 701, 702, 1020, 600, tờ 52	Công văn số 12/KTM-CTY ngày 22/2/2021 của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Bình Dương v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất ở đến năm 2030, bổ sung quy hoạch 46ha làm khu dân cư và TMDV
-	Khu dân cư Lai Uyên	ODT	46,82		46,82	CLN	Lai Uyên	1 phần thửa 1, 2, 3, Tờ bản đồ 32	Công văn số 438/CSPH-KT ngày 14/6/2021 của Công ty CP cao su Phước Hòa v/v ĐCQHSDĐ giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 của công ty cổ phần cao su Phước Hòa Công văn số 243/CSPH-KT ngày 17/4/2020 của Công ty CP cao su Phước Hòa v/v QHSDĐ giai đoạn 2020-2025 của công ty cổ phần cao su Phước Hòa
-	Khu dân cư Tân Hưng 2	ONT	249,08		249,08	CLN	Tân Hưng	Thửa 1, 28, 29, 74, 132, 137, 130, 138, 73, 131, 135, 136, Tờ bản đồ 25; Thửa 1, 2, 3, 4, 1p5 , Tờ bản đồ 26	Công văn số 243/CSPH-KT ngày 17/4/2020 của Công ty CP cao su Phước Hòa v/v QHSDĐ giai đoạn 2020-2025 của công ty cổ phần cao su Phước Hòa
-	Khu dân cư Tân Hưng 1	ONT	286,73		286,73	CLN	Tân Hưng	Thửa 1p141, 1p133, 142, 15, tờ bản đồ 25; Thửa 1, 1p2, 1p3, tờ bản đồ 28; Thửa 1, 1p2, 3, 1p4, 1p5, 1p7, tờ bản đồ 27; Thửa 6, 7, 8, 9, 10, 11, tờ bản đồ 26; Thửa 63, tờ bản đồ 11; Thửa 1p12, tờ bản đồ 24; Thửa 63, 152, 214, tờ bản đồ 9	Công văn số 243/CSPH-KT ngày 17/4/2020 của Công ty CP cao su Phước Hòa v/v QHSDĐ giai đoạn 2020-2025 của công ty cổ phần cao su Phước Hòa
-	Khu dân cư Hưng Hòa	ONT	66,75		66,75	CLN	Hưng Hòa	Thửa 160, 7, tờ bản đồ 12 1 phần thửa 33, tờ bản đồ 15	Công văn số 438/CSPH-KT ngày 14/6/2021 của Công ty CP cao su Phước Hòa v/v ĐCQHSDĐ giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 của công ty cổ phần cao su Phước Hòa
-	Khu dân cư (phục vụ khu công nghiệp Dầu Tiếng)	ONT	171,53		171,53	CLN	Long Nguyên	Tờ 18, 70, 73	Công văn số 710/CSDT-KT ngày 29/6/2021 của Cty TNHH MTV cao su Dầu Tiếng v/v đăng ký nhu cầu để lập QHSDĐ đến năm 2030, KHSDĐ năm 2021 khu vực huyện Bàu Bàng

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Khu dân cư và dịch vụ thương mại (Viện nghiên cứu cao su Việt Nam)	ONT	127,15		127,15	CLN	Lai Hưng	Thửa 235, 236, 152, Tờ bản đồ 40	Công văn số 374/HĐQTCSVN-KHĐT ngày 12/6/2020 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam v/v thống nhất QHSDĐ GĐ 2021-2030 của Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam tại xã Lai Hưng
-	Khu nhà ở Thăng Long giai đoạn 2	ONT	18,29		18,29	CLN	Trừ Văn Thố	Các thửa 48, 51, 291, 1p47, 1p127, tờ bản đồ 24	Văn bản số 4935/UBND-KTN của UBND tỉnh Bình Dương ngày 30/9/2019 v/v chấp thuận cho đăng ký đầu tư dự án Khu nhà ở Thăng Long
-	Khu dân cư Đồng Sổ (Khu 1)	ODT	36,30		36,30	CLN	Lai Uyên	Tờ bản đồ 43, 44	Văn bản số 2653/UBND-KTN ngày 6/6/2019 của UBND tỉnh Bình Dương v/v chủ trương điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 dự án khu đô thị Royal Town, KP Đồng Sổ, TT. Lai Uyên
-	Khu dân cư Đồng Sổ (Khu 2)	ODT	20,70		20,70	CLN	Lai Uyên	Tờ bản đồ 43, 44	
-	Khu dân cư Lai Hưng	ONT	31,10	31,10			Lai Hưng	Tờ bản đồ 26, 33	Văn bản số 2681/UBND-KTN ngày 7/6/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc chủ trương điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Lai Hưng và khu đô thị thương mại dịch vụ Lai Hưng
-	Khu đô thị thương mại dịch vụ Lai Hưng	ONT	83,00	83,00			Lai Hưng	Tờ bản đồ 26, 33	Văn bản số 2681/UBND-KTN ngày 7/6/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc chủ trương điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Lai Hưng và khu đô thị thương mại dịch vụ Lai Hưng
-	Khu dân cư ấp Bà Tứ 1	ONT	76,00		76,00	CLN	Cây Trường II		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSDĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu dân cư ấp Bà Tứ 2	ONT	83,00		83,00	CLN	Cây Trường II		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSDĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Khu dân cư ấp Bà Tứ 3	ONT	60,00		60,00	CLN	Cây Trường II		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 836/2020/CV/IDC-TTQH ngày 8/12/2020 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSDĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu dân cư khoa học công nghệ 1	ODT, ONT	480,00		480,00	CLN	Lai Uyên, Cây Trường II, Trừ Văn Thố		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 556/2021/CV/IDC-TTQH ngày 28/7/2021 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSDĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu dân cư khoa học công nghệ 2	ODT	397,00		397,00	CLN	Lai Uyên		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 556/2021/CV/IDC-TTQH ngày 28/7/2021 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSDĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu dân cư khoa học công nghệ 3	ODT, ONT	222,00		222,00	CLN	Lai Uyên, Trừ Văn Thố		Công văn số 4987/UBND-KT ngày 8/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện thông báo kết luận số 912-TB/TU ngày 1/10/2020 của Tỉnh ủy; Công văn số 556/2021/CV/IDC-TTQH ngày 28/7/2021 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP v/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, KHSDĐ đến năm 2021 huyện Bàu Bàng
-	Khu đấu giá đất	ONT	234,23		234,23	SKC	Lai Hưng	Tờ bản đồ 37	
-	Chuyển mục đích đất ở hộ gia đình cá nhân	ONT, ODT	1.076,42		1.076,42	CLN, HNK	Các xã, thị trấn		Hộ gia đình cá nhân đăng ký
32	**Đất nông nghiệp khác**								
-	Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Nông trường Long Hòa	NKH	188,62		188,62	CLN	Cây Trường II		Công văn số 4996/UBND-KTN ngày 3/10/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng của công ty TNHH MTV cao su Dầu Tiếng

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí: Số tờ, số thửa	Văn bản pháp lý/ Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
-	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Viện nghiên cứu cao su Việt Nam)	NKH	28,25		28,25	CLN	Lai Hưng	Thửa 342, tờ bản đồ 38; Thửa 423, Tờ bản đồ 39	
-	Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Becamex)	NKH	27,00		27,00	CLN	Trừ Văn Thố		
-	Chuyển mục đích đất nông nghiệp khác hộ gia đình cá nhân	NKH	31,00		31,00	CLN, HNK	Các xã, thị trấn		Hộ gia đình cá nhân đăng ký

Phụ lục 1.2: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẤT GIAO THÔNG TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2021-2030 HUYỆN BÀU BÀNG

HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (Xã, thị trấn)
I	**Quốc lộ**					
1	Quốc lộ 13 (Đoạn ranh thị xã Bến Cát - Ranh tỉnh Bình Phước)	DGT	96,05	96,05		Lai Hưng Lai Uyên Trừ Văn Thố
2	Đường tránh Mỹ Phước (Đoạn ranh thị xã Bến Cát - QL13; Mở mới)	DGT	3,36		3,36	Lai Hưng
3	Đường Hồ Chí Minh (Đoạn từ ranh tỉnh Bình Phước - Ranh huyện Dầu Tiếng)	DGT	48,02	48,02		Trừ Văn Thố Cây Trường II
4	Đường Hồ Chí Minh nhánh N2 (Đoạn từ đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng - Ranh huyện Phú Giáo)	DGT	42,30		42,30	Tân Hưng
5	Cao tốc Tp. Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành (Đoạn qua xã Hưng Hòa (1,53km)	DGT	9,19		9,19	Hưng Hòa
6	Đường sắt Sài Gòn - Lộc Ninh	DGT	95,00		95,00	Tân Hưng, Lai Uyên, Trừ Văn Thố
II	**Đường tỉnh**					
1	ĐT. 741B (Đoạn 1: trùng với đường ĐT. 745A; Đoạn 2: Từ nút giao ĐT. 745A đến QL. 13; Mở rộng)	DGT	65,59	65,16	0,43	Tân Hưng, Hưng Hòa
2	ĐT. 745A (Vành đai 5: ĐT. 741 - Ranh huyện Dầu Tiếng; Mở rộng)	DGT	151,80	106,26	45,54	Long Nguyên
3	ĐT. 745C (QL. 13 - Ranh huyện Dầu Tiếng; Mở rộng)	DGT	74,40	52,08	22,32	Long Nguyên Lai Uyên
4	ĐT. 749A (Ranh Tx. Bến Cát - Ranh huyện Dầu Tiếng; Mở rộng)	DGT	50,40	43,20	7,20	Long Nguyên
5	ĐT. 750 (Ranh huyện Phú Giáo - Ranh huyện Dầu Tiếng; Mở rộng)	DGT	50,40	43,20	7,20	Trừ Văn Thố Cây Trường II
6	Đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng (Ranh huyện Phú Giáo - Ranh huyện Dầu Tiếng; Mở rộng)	DGT	55,80	10,20	45,60	Lai Uyên
7	Đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (Ranh Tx. Bến Cát - QL. 13)	DGT	40,80	40,76	0,05	Lai Hưng Lai Uyên
8	Đường trục Bắc - Nam 1 (Ranh Tx. Bến Cát - Ranh tỉnh Bình Phước; Mở mới)	DGT	96,60		96,60	Cây Trường II Lai Uyên Long Nguyên Lai Hưng
9	Đường Đông - Tây 1 (ĐH. 620 - Ranh huyện Dầu Tiếng; Mở mới)	DGT	52,50		52,50	Long Nguyên

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (Xã, thị trấn)
10	Đường Tây quốc lộ 13 (ĐT 750 - Ranh tỉnh Bình Phước)	DGT	18,10		18,10	Trừ Văn Thố Cây Trường II
III	**Đường huyện**					
1	ĐH. 607 (Ranh Tx. Bến Cát - ĐH. 620; Mở rộng)	DGT	5,76	5,04	0,72	Lai Hưng
2	Nâng cấp mở rộng đường ĐH 610	DGT	15,65	4,71	10,94	Lai Hưng, Long Nguyên
3	ĐH. 617 (QL. 13 - ĐT. 749A; Nâng cấp, mở rộng)	DGT	17,92	15,68	2,24	Lai Hưng
4	ĐH. 613 (Đường Bàu Bàng - Tân Long; ĐT. 741B - Ranh huyện Phú Giáo; Nâng cấp, mở rộng)	DGT	19,84	17,36	2,48	Tân Hưng
5	ĐH 614	DGT	26,88	11,76	15,12	Cây Trường II
6	ĐH. 615 (Đoạn từ ĐT. 749A - Ranh huyện Dầu Tiếng; Nâng cấp, mở rộng)	DGT	27,20	23,80	3,40	Long Nguyên
7	Đường Long Nguyên - An Lập (Đoạn từ ĐH. 615 - Cầu An Lập; Nâng cấp, mở rộng)	DGT	2,42	2,20	0,22	Long Nguyên
8	Đường vành đai Lai Khê (QL. 13 - ĐH. 619; Nâng cấp, mở rộng)	DGT	15,04	13,16	1,88	Lai Hưng Long Nguyên
9	ĐH. 618 (Đường Đồng Chèo; QL. 13 - ĐT. 741B; Nâng cấp, mở rộng)	DGT	32,96	26,24	6,72	Tân Hưng Lai Uyên
10	ĐH. 619 (ĐT. 749A tại ngã 3 Lâm Trường - Giao ĐT. 749A gần UBND xã Long Nguyên; Nâng cấp, mở rộng)	DGT	28,48	24,92	3,56	Long Nguyên
11	ĐH. 620 (Đường Bến Tượng; QL. 13 tại ngã 3 Bến Tượng - Giao ĐH. 605 tại ngã 3 Cuaroquet; Nâng cấp, mở rộng)	DGT	19,52	17,08	2,44	Lai Hưng
12	ĐH. 624 (QL. 13 TT. Lai Uyên - ĐH. 626; Nâng cấp, mở rộng)	DGT	16,20	10,08	6,12	Lai Uyên
13	ĐH. 625 (Giao ĐT. 741 tại Chánh Phú Hòa - Giáp ranh Phú Giáo; Nâng cấp, mở rộng)	DGT	32,00	28,00	4,00	Hưng Hòa
14	ĐH. 626 (Giao đường DC của KCN Bàu Bàng - ĐT. 750; Nâng cấp, mở rộng)	DGT	12,80	11,20	1,60	Lai Uyên
15	Đường vành đai Mỹ Phước (Giáp ranh Tx. Bến Cát - Ngã giao đường Mỹ Phước Tân Vạn và HCM N2)	DGT	12,10		12,10	Long Nguyên, Lai Hưng
16	Đường ven sông Đồng Sổ (Đầu đường vành đai Mỹ Phước - Giáp đường HCM nhánh N2)	DGT	16,94		16,94	Lai Hưng
17	Đường ven sông ông Tề (ĐH.607 giáp ranh Bến Cát - ĐT.741B)	DGT	12,98		12,98	Lai Hưng, Hưng Hòa
18	Đường trục Bắc - Nam 2 (Giáp ranh Tx. Bến Cát (Vị trí nối vào tuyến đường vành đai Mỹ Phước) - Đường vành đai 5)	DGT	18,48		18,48	Lai Hưng, Lai Uyên
19	Đường ĐH. 626 nối dài (Giáp nút giao ĐH.626 và ĐT.750 - Giáp ranh tỉnh Bình Phước)	DGT	14,40		14,40	Trừ Văn Thố

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (Xã, thị trấn)
20	Đường Đông - Tây 2 (QL13 - Giáp đường trục Bắc - Nam 1)	DGT	22,40		22,40	Lai Hưng
21	Đường Đông - Tây 3 (ĐH.620 nối dài - Đường Bắc - Nam 4)	DGT	16,32		16,32	Lai Hưng
22	Đường ven kênh Phước Hòa (Giáp ranh huyện Phú Giáo - Giáp ranh huyện Dầu Tiếng)	DGT	30,80		30,80	Trừ Văn Thố, Cây Trường II
23	Đường ven suối Ông Chài, suối Bà Tứ (Giáp đường Bắc Nam 1 phát triển dọc suối ông Chài, suối Bà Tứ - Giáp đường Bắc Nam 1)	DGT	9,24		9,24	Cây Trường II
24	Đường gom dọc theo hành lang đường sắt (Giáp đường Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng - Ranh tỉnh Bình Phước)	DGT	24,20		24,20	Lai Uyên, Trừ Văn Thố
25	Đường Long Nguyên An Lập nhánh 1 (Giáp đường Long Nguyên An Lập - Giáp đường ven sông Thị Tính)	DGT	2,42		2,42	Long Nguyên
26	Đường ĐH.619 Nhánh 1 (Đầu từ đường ĐH.619 - Đường ven sông Thị Tính)	DGT	3,08		3,08	Long Nguyên
27	Đường ĐH.619 Nhánh 2 (Đầu từ đường ĐH.619 - Giáp ranh Bến Cát kết nối đường ĐT.748)	DGT	3,30		3,30	Long Nguyên
28	Đường ĐH.619 nối dài (Giáp ĐH.619 - QL13)	DGT	4,48		4,48	Long Nguyên
29	Đường Bắc Nam 5 (Giáp đường ven suối Đồng Sổ - ĐT.745C)	DGT	4,00		4,00	Lai Uyên
30	Đường ven suối Đồng Cò (Đường Bắc - Nam 5 - Giáp đường vành đai 5)	DGT	4,00		4,00	Lai Uyên
31	Đường ĐH.620 nhánh 1 (ĐH.620 - QL13)	DGT	10,56		10,56	Lai Hưng
32	Đường ven sông Thị Tính (Giao ĐT.749A - Giáp Ranh huyện Dầu Tiếng)	DGT	36,30		36,30	Long Nguyên
33	Xây dựng đường ĐH 623 (chỉnh lại hướng tuyến)	DGT	20,04	17,53	2,50	Lai Hưng
34	Đường nam Bàu Bàng	DGT	52,57	41,62	10,95	Lai Hưng Lai Uyên
35	Đường song hành ĐT 741B (nối KCN Tân Bình mở rộng)	DGT	45,44		45,44	Tân Hưng Hưng Hòa
36	Đường ven suối Đồng Sổ	DGT	20,79		20,79	Lai Hưng
III	**Các tuyến giao thông nông thôn (các tuyến nâng cấp, mở rộng, mở mới, các công ty cao su bàn giao lại địa phương)**					
1	Mở rộng hai tuyến đường khu vực chợ Lai Uyên	DGT	0,12		0,12	Lai Uyên
2	Đường từ QL 13 (nhà bà Lệ) Lai Khê giáp đường ĐH 617 (ông Hiền ấp Cầu Sắt), (mở mới, 4 làn xe)	DGT	6,16		6,16	Lai Hưng
3	Tuyến đường nối Mỹ Phước- Bàu Bàng đến đường Vành Đai Bắc Bến Cát - Bàu Bàng (Đầu nối MP-BB ở TT. Lai Uyên đến nam Bàu Bàng ở xã Lai Hưng)	DGT	16,12		16,12	Lai Hưng Lai Uyên

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (Xã, thị trấn)
4	Nâng cấp BTNN đường Bắc Bến Tượng (đường Lai Hưng 20 đoạn từ ngã 3 Văn phòng ấp Bến Tượng đến ngã ba đường láng nhựa Viện Nghiên cứu cao su)	DGT	1,00		1,00	Lai Hưng
5	Đường giao thông nông thôn ấp Hố Muôn	DGT	2,40		2,40	Long Nguyên
6	Đường giao thông nông thôn ấp Long Thành	DGT	2,40		2,40	Long Nguyên
7	Mở mới đường Tây Quốc lộ 13	DGT	1,20		1,20	Trừ Văn Thố
8	Đất giao thông	DGT	0,09		0,09	Trừ Văn Thố
9	Đường giao thông các công ty cao su bàn giao lại địa phương quản lý	DGT	37,60	9,49	28,11	6 xã, thị trấn (trừ xã Trừ Văn Thố)
10	Đất trong các khu công trình phúc lợi công cộng	DGT	23,93		23,93	Lai Uyên, Tân Hưng, Trừ Văn Thố
IV	**Bến xe Bàu Bàng (trục vành đai 5, giáp đường MP-Bàu Bàng)**	**DGT**	**1,00**		**1,00**	**Tân Hưng**